

## TỜ TRÌNH

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

### I. BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2025; BÁO CÁO CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, ỦY BAN KIỂM TOÁN; PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025:

#### 1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2025:

Số liệu chi tiết trong bảng Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

#### 2. Báo cáo của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ủy Ban kiểm toán:

Chi tiết như trình bày tại đại hội.

#### 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2025:

##### PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (VNĐ)
A	Lợi nhuận có thể phân phối (A=1+2)	396.660.180.402
1	Lợi nhuận năm 2024 chưa phân phối	3.565.606.546
2	Lợi nhuận sau thuế 2025	393.094.573.856
B	Phân phối lợi nhuận (B=I+II+III)	325.689.366.276
I	Trả cổ tức 2025 bằng tiền mặt (20% vốn góp của chủ sở hữu)	254.397.502.000
II	Thù lao HĐQT năm 2025 (II=3,0% x (2)) (3,0% lợi nhuận sau thuế năm 2025)	11.792.837.216
III	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (III=15%xA) (15% tổng lợi nhuận có thể phân phối)	59.499.027.060
C	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm nay (C=A-B)	70.970.814.125



## II. CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2025

Chi trả cổ tức năm 2025 cho cổ đông là 20% Vốn điều lệ bằng tiền mặt. Chi tiết cụ thể Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt.

## III. CHI TRẢ THÙ LAO CỦA HĐQT NĂM 2025

Chi trả thù lao cho HĐQT năm 2025 là 3,0% lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty, tương đương 11.792.837.216 VNĐ. Chi tiết cụ thể Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt.

## IV. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2026 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO HĐQT NĂM 2026

### 1. Kế hoạch SXKD năm 2026:

Doanh thu	9.500 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	450 tỷ đồng

### 2. Dự kiến kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026

Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026 cho cổ đông: Dự kiến chi trả từ 16% đến 20% vốn điều lệ bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phương án về việc tạm ứng, chi trả cổ tức đảm bảo lợi ích cổ đông.

### 3. Dự kiến kế hoạch chi trả thù lao HĐQT năm 2026

Dự kiến chi trả thù lao cho HĐQT năm 2026 là 3,0% lợi nhuận sau thuế năm 2026 bằng tiền mặt. Chi tiết cụ thể Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN THỜI

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua danh sách và lựa chọn công ty kiểm toán

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

### **PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC BÁO CÁO KHÁC NĂM 2026 CỦA CÔNG TY**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện tại của Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, năng lực của Công ty kiểm toán đã được Bộ Tài chính chấp nhận cho kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch;
- Theo đề nghị của Ủy ban kiểm toán

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên phê chuẩn danh sách các Công ty kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một công ty để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính và các Báo cáo kiểm toán khác trong năm 2026 và đến thời điểm tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027 cho Công ty như sau:

1. Đơn vị: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIET NAM

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội.

2. Đơn vị: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1, phố Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Đây là các công ty kiểm toán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các công ty niêm yết và hoàn toàn độc lập với Công ty và độc lập với cán bộ quản lý của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKTNB;
- Lưu HC;



**NGUYỄN VĂN THỜI**

Số: 03/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 03 năm 2026

## TỜ TRÌNH

*V/v thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan và tổ chức tín dụng*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2029/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
- Căn cứ vào tình hình và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Để thuận lợi cho việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nội dung sau:

1. Thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị được phê duyệt các hợp đồng, giao dịch đối với các tổ chức tín dụng có giá trị từ 35% hoặc giao dịch với các tổ chức tín dụng dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trên cơ sở đánh giá rủi ro, đảm bảo an toàn cho Công ty và lợi ích cho các cổ đông.

2. Thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị được phê duyệt các hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan của Công ty, Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty có giá trị lớn hơn 10% và nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch với các đối tượng trên dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn 10% và nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trên cơ sở đánh giá rủi ro, đảm bảo an toàn cho Công ty và lợi ích cho các cổ đông.



3. Tất cả các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông có quyền biểu quyết để phê duyệt chủ trương thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan và tổ chức tín dụng theo tờ trình này.

Trước khi Hội đồng quản trị thông qua từng hợp đồng, giao dịch, Hội đồng quản trị có trách nhiệm tính toán lại tỷ lệ biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông về thông qua giao dịch với từng đối tượng cụ thể (không bao gồm phiếu biểu quyết của cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch đó). Trong trường hợp tỷ lệ biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông không đủ điều kiện để thông qua theo quy định thì Hội đồng quản trị thực hiện trình Đại hội đồng cổ đông thông qua với hợp đồng, giao dịch đó.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề nêu trên có hiệu lực thi hành với các giao dịch của Công ty phát sinh, được thực hiện trong năm 2026 và đến thời điểm tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN VĂN THỜI**



Số: 04/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 3 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;

Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động quản trị, quản lý Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2026 như sau:

### I. THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

#### 1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn)
1	Sản xuất linh kiện điện tử khác Chi tiết: Sản xuất các linh kiện điện tử cho máy móc, thiết bị ngành may.	2619	
2	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Điện mặt trời	3512	
3	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Hoạt động của các trạm sạc cho xe điện	3513	
4	Xây dựng nhà để ở	4101	
5	Xây dựng nhà không để ở	4102	

1 |

Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.



TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn)
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn đồ bảo hộ lao động; Bán buôn trang thiết bị PCCC. (Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)	4679	
7	Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ (Trừ: - Bán đấu giá hàng hóa. - Các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật. - Các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại.)	4790	
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Dịch vụ vận hành trạm sạc cho xe điện	5225	
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520	
10	Xuất bản phần mềm khác Chi tiết: - Xuất bản phần mềm hệ thống; - Xuất bản phần mềm ứng dụng; - Xuất bản các phần mềm khác, như: hệ thống điều hành, kinh doanh và các ứng dụng khác; phần mềm bảo mật máy tính hoặc phần mềm an ninh mạng; phần mềm tạo mô hình; - Hoạt động dịch vụ trung gian cho xuất bản phần mềm; - Hoạt động của thị trường tải phần mềm.	5829	
11	Lập trình máy tính khác Chi tiết: - Hoạt động thiết kế cấu trúc và nội dung; viết, sửa (bao gồm các bản cập nhật và bản vá lỗi phần mềm), tùy chỉnh, thử nghiệm, trợ giúp và hỗ trợ mã hóa máy tính cần thiết để tạo và triển khai: phần mềm hệ thống; phần mềm kinh doanh, phần mềm tài chính và ứng dụng phần mềm khác (trừ ứng dụng trò chơi điện tử); ứng dụng máy học; ứng dụng trí tuệ nhân tạo/thị giác máy; ứng dụng an ninh mạng; ứng dụng số cái phân tán; cơ sở dữ liệu; các trang web; các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của khách hàng. - Lập trình các phần mềm nhúng.	6219	

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn)
12	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính (Trừ dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân)	6220	
13	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; - Hoạt động tư vấn máy tính; - Dịch vụ thực hiện phần mềm; - Hoạt động công nghiệp phần mềm (hoạt động thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm): + Sản xuất phần mềm đóng gói; + Sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng; + Sản xuất phần mềm nhúng; + Hoạt động gia công phần mềm; + Hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm (trừ dịch vụ tư vấn định giá phần mềm): Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin; Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm; Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm; Dịch vụ tích hợp hệ thống; Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; Dịch vụ cho thuê phần mềm; Các dịch vụ phần mềm khác. - Cung cấp trực tuyến phần mềm.	6290	
14	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan (Trừ: - Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu. - Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu. - Kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu. - Dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân)	6310	
15	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: Việc cung cấp các hoạt động kinh doanh bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng bao gồm các dịch vụ liên quan đến bất động sản như: - Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản. - Môi giới bất động sản. - Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. - Sàn giao dịch bất động sản.	6821	

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn)
16	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: - Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. - Dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư. - Dịch vụ quản lý, vận hành khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	6829	
17	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác Chi tiết: Cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát (trừ tư vấn thuế, kế toán, pháp luật, chứng khoán)	7020	
18	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới thương mại, không kể môi giới bất động sản. - Tư vấn về công nghệ trong ngành may.	7499	
19	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú Chi tiết: Giặt, là công nghiệp các sản phẩm may mặc.	9610	

## 2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn)
1	Sản xuất linh kiện điện tử	2610	
2	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511	
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn đồ bảo hộ lao động; Bán buôn trang thiết bị PCCC. (Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)	4669	
4	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791	

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn)
	(Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)		
5	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu (Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)	4799	
6	Xuất bản phần mềm	5820	
7	Lập trình máy vi tính	6201	
8	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202	
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; - Hoạt động tư vấn máy tính; - Dịch vụ thực hiện phần mềm; - Hoạt động công nghiệp phần mềm (hoạt động thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm): + Sản xuất phần mềm đóng gói; + Sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng; + Sản xuất phần mềm nhúng; + Hoạt động gia công phần mềm; + Hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm (trừ dịch vụ tư vấn định giá phần mềm): Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin; Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm; Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; Dịch vụ chuyên giao công nghệ phần mềm; Dịch vụ tích hợp hệ thống; Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; Dịch vụ cho thuê phần mềm; Các dịch vụ phần mềm khác.	6209	
10	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ: - Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu. - Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu. - Kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu.)	6311	

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (Đánh dấu X để chọn)
11	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không bao gồm đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.) Chi tiết: - Việc cung cấp các hoạt động kinh doanh bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng bao gồm các dịch vụ liên quan đến bất động sản như: + Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản và môi giới. + Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. + Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. + Dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư. + Sàn giao dịch bất động sản.	6820	
12	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ thẩm định giá)	7490	
13	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú Chi tiết: Giặt, là công nghiệp các sản phẩm may mặc.	9620	

### 3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (Đánh dấu X để chọn)
1	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410	X
2	Sản xuất trang phục đan móc	1430	
3	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các bộ phận cấu thành hoặc phụ cho việc sử dụng máy móc, thiết bị ngành may.	3311	
4	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy sản xuất hàng dệt, quần áo và da; máy móc, thiết bị ngành may.	3312	
5	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị kiểm tra và giám sát các tính chất hóa học, vật lý và điện.	3313	
6	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314	
7	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (Đánh dấu X để chọn)
	Chi tiết: - Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị tự động hóa ngành may, - Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đo lường dùng trong: + Kiểm tra, thử nghiệm cơ, lý, hóa, giám định các sản phẩm dệt may, da giày; + Kiểm tra kỹ thuật các thiết bị, máy móc ngành dệt, may và da.		
8	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da	4771	
9	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (Trừ: - Các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật. - Các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại.)	4772	
10	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: - Bán lẻ đồ bảo hộ lao động; Bán lẻ trang thiết bị PCCC (Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật). - Bán lẻ máy móc, thiết bị ngành dệt, may và da.	4773	
11	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510	
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810	
13	Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm (Trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)	7810	
4	Dịch vụ cảnh quan	8130	
15	Hoạt động vui chơi giải trí khác	9329	

## II. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

### 1. Phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung các nội dung sau trong Điều lệ Công ty:

**1.1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty về ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo nội dung thay đổi ngành, nghề kinh doanh nêu trên.**

**1.2. Sửa đổi tên điều khoản trong Điều lệ, bao gồm:**

- Điều 10. Xử lý cổ phần trong một số trường hợp đặc biệt (trước khi sửa đổi là Điều 10. Thu hồi cổ phần)

- Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông (trước khi sửa đổi là Điều 12. Quyền của cổ đông)

- Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông (trước khi sửa đổi là Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông)

**1.3. Sửa đổi cách đánh số các khoản, điểm trong bố cục của các điều khoản trong Điều lệ:**

(i) Sửa đổi cách đánh số các khoản, điểm trong bố cục của các điều khoản sau:

- Điều 1. Giải thích thuật ngữ

- Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

- Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông

- Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

- Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

- Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

- Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

- Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty
- Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý
- Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc
- Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán
- Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
- Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ
- Điều 53. Giải thể công ty
- Điều 55. Thanh lý
- Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

(ii) Sửa đổi các trích dẫn điều khoản trong Điều lệ tương ứng với những sửa đổi cách đánh số khoản, điểm nêu trên.

**1.4. Sửa đổi, bổ sung nội dung các điều khoản khác trong Điều lệ Công ty, bao gồm:**

- Điều 1. Giải thích thuật ngữ
- Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty
- Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu
- Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần
- Điều 10. Xử lý cổ phần trong một số trường hợp đặc biệt
- Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông
- Điều 14. Đại hội đồng cổ đông
- Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông
- Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
- Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
- Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

- Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

- Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

*(Chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung được nêu tại bản dự thảo Điều lệ đính kèm theo Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)*

## **2. Thông qua bản Điều lệ Công ty đã cập nhật các nội dung được sửa đổi, bổ sung nói trên**

Điều lệ được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực từ ngày 19/4/2026 và thay thế cho bản Điều lệ đã được ban hành ngày 27/10/2025.

*(Dự thảo Điều lệ đính kèm theo Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)*

## **III. PHÊ DUYỆT QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2026)**

Thông qua bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty (được sửa đổi, bổ sung năm 2026), thay thế bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2025. Giao cho Hội đồng quản trị ban hành Quy chế này theo quy định của pháp luật.

*(Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung năm 2026 đính kèm theo Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua/phê duyệt.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VP.



**Nguyễn Văn Thời**



ĐIỀU LỆ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 4 năm 2026

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b> .....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....	6
<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</b> .....	6
<b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b> .....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
<b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b> .....	7
<b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</b> .....	12
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	12
<b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b> .....	12
<b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b> .....	13
<b>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</b> .....	14
<b>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</b> .....	14
<b>Điều 10. Xử lý cổ phần trong một số trường hợp đặc biệt</b> .....	14
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	15
<b>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</b> .....	15
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	15
<b>Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông</b> .....	15
<b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông</b> .....	16
<b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b> .....	17
<b>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b> .....	18
<b>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b> .....	20
<b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b> .....	21
<b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b> .....	23
<b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b> .....	23
<b>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b> .....	26
<b>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b> .....	28
<b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b> .....	29
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
<b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b> .....	29
<b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b> .....	31

<b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b> .....	33
<b>Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b> .....	34
<b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> .....	35
<b>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b> .....	36
<b>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</b> .....	39
<b>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</b> .....	39
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> .....	40
<b>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</b> .....	40
<b>Điều 34. Người điều hành Công ty</b> .....	40
<b>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b> ...	40
<b>IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	42
<b>Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán</b> .....	42
<b>Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán</b> .....	42
<b>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</b> .....	42
<b>Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</b> .....	43
<b>Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b> .....	43
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> .....	43
<b>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b> .....	44
<b>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b> .....	45
<b>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b> .....	45
<b>Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</b> .....	45
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b> .....	46
<b>Điều 44. Công nhân viên và công đoàn</b> .....	46
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b> .....	46
<b>Điều 45. Phân phối lợi nhuận</b> .....	46
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b> .....	47
<b>Điều 46. Tài khoản ngân hàng</b> .....	47
<b>Điều 47. Năm tài chính</b> .....	47
<b>Điều 48. Chế độ kế toán</b> .....	47
<b>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	47
<b>Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</b> .....	47
<b>Điều 50. Báo cáo thường niên</b> .....	48
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b> .....	48
<b>Điều 51. Kiểm toán</b> .....	48

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP .....	48
<b>Điều 52. Dấu của doanh nghiệp</b> .....	48
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY .....	48
<b>Điều 53. Giải thể công ty</b> .....	48
<b>Điều 54. Gia hạn hoạt động</b> .....	49
<b>Điều 55. Thanh lý</b> .....	49
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	49
<b>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b> .....	49
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....	50
<b>Điều 57. Điều lệ công ty</b> .....	50
XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....	50
<b>Điều 58. Ngày hiệu lực</b> .....	50

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG ngày 19 tháng 4 năm 2026.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

1.2. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

1.3. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

1.4. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

1.5. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

1.6. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

1.7. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Chi nhánh, Trưởng Văn phòng Đại diện và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

1.8. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

1.9. *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

1.10. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

1.11. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

1.12. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

1.13. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

1.14. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

1.15. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: TNG

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 434/1, đường Bắc Kạn, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

- E-mail: info@tng.vn

- Website: <http://www.tng.vn>

4. Công ty có thể thành lập công ty con (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần), chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có [01] người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

##### 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như: Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn; Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy; Sản xuất quần áo bảo vệ và quần áo chống lửa).	3290
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn đồ bảo hộ lao động; Bán buôn trang thiết bị PCCC. <i>(Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)</i>	4679
3	Bán buôn tổng hợp <i>(Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)</i>	4690
4	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: - Bán lẻ đồ bảo hộ lao động; Bán lẻ trang thiết bị PCCC (Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật). - Bán lẻ máy móc, thiết bị ngành dệt, may và da.	4773
5	Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ <i>(Trừ:</i> - <i>Bán đấu giá hàng hóa.</i> - <i>Các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật.</i> - <i>Các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại.)</i>	4790
6	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
7	Dịch vụ cảnh quan	8130
8	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
9	Hoạt động thể thao khác	9319
10	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
11	Hoạt động vui chơi giải trí khác	9329
12	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
13	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520

14	Cơ sở lưu trú khác	5590
15	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: Việc cung cấp các hoạt động kinh doanh bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng bao gồm các dịch vụ liên quan đến bất động sản như: - Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản. - Môi giới bất động sản. - Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. - Sàn giao dịch bất động sản.	6821
16	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: - Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. - Dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư. - Dịch vụ quản lý, vận hành khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	6829
17	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
18	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
19	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
20	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế	3250
21	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (đào tạo nghề may công nghiệp, dạy ngoại ngữ);	8559
22	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	810
23	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
24	Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm (Trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)	7810
25	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ: - Các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật. - Các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại.)	4649
26	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (Trừ: - Các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật. - Các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại.)	4772

27	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú Chi tiết: Giặt, là công nghiệp các sản phẩm may mặc.	9610
<b>28</b>	<b>Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)</b>	<b>1410 (Chính)</b>
29	Sản xuất trang phục đan móc	1430
30	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì (sản xuất bao bì giấy);	1702
31	Sản xuất sản phẩm từ plastic (sản xuất nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon và nguyên phụ liệu hàng may mặc);	2220
32	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
33	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da	4771
34	In ấn (in trực tiếp lên vải dệt, nhựa, bao bì carton, túi PE);	1811
35	Hoàn thiện sản phẩm dệt Chi tiết: In trên lụa (bao gồm in nhiệt) trên trang phục);	1313
36	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>(Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)</i>	6810
37	Xuất bản phần mềm khác Chi tiết: - Xuất bản phần mềm hệ thống; - Xuất bản phần mềm ứng dụng; - Xuất bản các phần mềm khác, như: hệ thống điều hành, kinh doanh và các ứng dụng khác; phần mềm bảo mật máy tính hoặc phần mềm an ninh mạng; phần mềm tạo mô hình; - Hoạt động dịch vụ trung gian cho xuất bản phần mềm; - Hoạt động của thị trường tải phần mềm.	5829
38	Lập trình máy tính khác Chi tiết: - Hoạt động thiết kế cấu trúc và nội dung; viết, sửa (bao gồm các bản cập nhật và bản vá lỗi phần mềm), tùy chỉnh, thử nghiệm, trợ giúp và hỗ trợ mã hóa máy tính cần thiết để tạo và triển khai: phần mềm hệ thống; phần mềm kinh doanh, phần mềm tài chính và ứng dụng phần mềm khác (trừ ứng dụng trò chơi điện tử); ứng dụng máy học; ứng dụng trí tuệ nhân tạo/thị giác máy; ứng dụng an ninh mạng; ứng dụng sở cái phân tán; cơ sở dữ liệu; các trang web; các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của khách hàng. - Lập trình các phần mềm nhúng.	6219
39	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính <i>(Trừ dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân)</i>	6220

40	<p>Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm;</li> <li>- Hoạt động tư vấn máy tính;</li> <li>- Dịch vụ thực hiện phần mềm;</li> <li>- Hoạt động công nghiệp phần mềm (hoạt động thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sản xuất phần mềm đóng gói;</li> <li>+ Sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng;</li> <li>+ Sản xuất phần mềm nhúng;</li> <li>+ Hoạt động gia công phần mềm;</li> <li>+ Hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm (trừ dịch vụ tư vấn định giá phần mềm): Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin; Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm; Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm; Dịch vụ tích hợp hệ thống; Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; Dịch vụ cho thuê phần mềm; Các dịch vụ phần mềm khác.</li> </ul> </li> <li>- Cung cấp trực tuyến phần mềm.</li> </ul>	6290
41	<p>Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan</p> <p>(Trừ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.</li> <li>- Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.</li> <li>- Kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu.</li> <li>- Dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân)</li> </ul>	6310
42	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
43	<p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, thử nghiệm cơ, lý, hóa, các sản phẩm dệt may, da giày;</li> <li>- Giám định, chứng nhận các sản phẩm dệt may, da giày;</li> <li>- Kiểm tra kỹ thuật các thiết bị, máy móc ngành dệt, may và da.</li> <li>- Kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị đo lường dùng trong: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểm tra, thử nghiệm cơ, lý, hóa, giám định các sản phẩm dệt may, da giày;</li> <li>+ Kiểm tra kỹ thuật các thiết bị, máy móc ngành dệt, may và da;</li> </ul> </li> <li>- Phân tích lỗi đối với: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các sản phẩm dệt may, da giày;</li> <li>+ Các thiết bị, máy móc ngành dệt, may và da.</li> </ul> </li> <li>- Dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.</li> </ul>	7120

44	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
45	Sản xuất linh kiện điện tử khác Chi tiết: Sản xuất các linh kiện điện tử cho máy móc, thiết bị ngành may.	2619
46	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
47	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
48	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
49	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
50	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
51	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các bộ phận cấu thành hoặc phụ cho việc sử dụng máy móc, thiết bị ngành may.	3311
52	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy sản xuất hàng dệt, quần áo và da; máy móc, thiết bị ngành may.	3312
53	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị kiểm tra và giám sát các tính chất hóa học, vật lý và điện.	3313
54	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
55	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác Chi tiết: - Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị tự động hóa ngành may; - Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đo lường dùng trong: + Kiểm tra, thử nghiệm cơ, lý, hóa, giám định các sản phẩm dệt may, da giày; + Kiểm tra kỹ thuật các thiết bị, máy móc ngành dệt, may và da.	3319
56	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
57	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ các hàng hóa tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật).	4659
58	Sao chép bản ghi các loại	1820
59	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới thương mại, không kể môi giới bất động sản. - Tư vấn về công nghệ trong ngành may.	7499
60	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị ngành dệt may	7730
61	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740

62	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục)	1391
63	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Điện mặt trời	3512
64	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
65	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
66	Xây dựng nhà để ở	4101
67	Xây dựng nhà không để ở	4102
68	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Hoạt động của các trạm sạc cho xe điện	3513
69	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Dịch vụ vận hành trạm sạc cho xe điện	5225
70	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác Chi tiết: Cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát (trừ tư vấn thuế, kế toán, pháp luật, chứng khoán)	7020

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Trở thành công ty toàn cầu về sản xuất các sản phẩm thời trang và nhượng quyền thương mại các nhãn hiệu thời trang quốc tế.
- Sản xuất và Xuất khẩu trực tiếp các sản phẩm may mặc.
- Cung cấp các giải pháp quản trị trong ngành dệt may, da giày.
- Sản xuất và phân phối máy móc, thiết bị trong ngành dệt may, da giày.

## Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia [Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan].

## IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

### Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là [1.287.312.660.000] đồng (bằng chữ: Một nghìn hai trăm tám mươi bảy tỷ ba trăm mười hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành [128.731.266] cổ phần phổ thông với mệnh giá là [10.000] đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam

12 |-----  
 Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

đồng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác được hội đồng định giá của Công ty xác định và đánh giá qui về tiền đồng Việt Nam để làm cơ sở xác định cổ phần và hạch toán của Công ty

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phiếu.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty phải thông báo việc chào bán số cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 90 ngày) để cổ đông có thể đăng ký mua, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Sau khi mua lại cổ phần, Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 7.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bỏ.

3. Trong thời hạn [30] kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng

nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và cổ đông thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

4.1. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

4.2. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

6. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Điều lệ này hoặc Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị có quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 10. Xử lý cổ phần trong một số trường hợp đặc biệt**

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty. Người thừa kế thực hiện đăng ký thay đổi cổ đông đối với cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới của Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân bị Tòa án tuyên bố mất tích thì quyền và nghĩa vụ của cổ đông được thực hiện thông qua người quản lý tài sản của cổ đông đó theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Trường hợp cổ đông bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn

trong nhận thức, làm chủ hành vi thì quyền và nghĩa vụ của cổ đông đó trong công ty được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Công ty không giải quyết các tranh chấp có liên quan về thừa kế cổ phần và các tranh chấp có liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông bị Tòa án tuyên bố mất tích hoặc bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

6. Quy định này không được hiểu là cổ đông là cá nhân đã chết hoặc bị Tòa án tuyên bố mất tích hoặc bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi được miễn trừ trách nhiệm của mình khỏi bất kỳ nghĩa vụ nào gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà cổ đông đó sở hữu.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
3. Tổng giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

1.1. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

1.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

1.3. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

1.4. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

1.5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

1.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

1.7. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

1.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

1.9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

1.10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

1.11. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1.12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

2.1. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

2.2. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

2.3. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

2.4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông**

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và

pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

6.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax hoặc bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

7.1. Vi phạm pháp luật;

7.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

7.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

3.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

3.4. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa

3.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 3.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3.3 Điều này hoặc xảy ra trường hợp quy định tại khoản 3.4 Điều này;

4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4.1 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3.3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

[Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.]

4.3. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

1.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

1.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần

1.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

1.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác];

- 1.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - 1.6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - 1.7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - 1.8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - 1.9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - 1.10 Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
  - 1.11. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
  - 1.12 Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - 1.13. Quyên và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
    - 2.1. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
    - 2.2. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
    - 2.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
    - 2.4. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông
    - 2.5. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
    - 2.6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
    - 2.7. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
    - 2.8. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
    - 2.9. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
    - 2.10. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
    - 2.11. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- 2.12. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - 2.13. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác];
  - 2.14. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - 2.15. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - 2.16. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - 2.17. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
  - 2.18. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
    - 3.1. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
    - 3.2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
  4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
  - 3.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

3.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

3.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông [nếu Điều

lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn]. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

2.3. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

2.4. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

2.5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

2.6. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn] (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

3.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

3.2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

3.3. Phiếu biểu quyết;

3.4. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chương trình và nội dung cuộc họp lần thứ hai và/hoặc lần thứ ba vẫn giữ nguyên như chương trình và nội dung cuộc họp đã được chuẩn bị cho lần họp thứ nhất.

### **Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

1.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

1.2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được

ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2.1 Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

2.4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

4.1. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

4.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

4.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

7.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

7.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

8.2. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Phương thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức bằng một trong các phương thức sau:

10.1. Tổ chức họp trực tiếp tại địa điểm tổ chức họp;

10.2. Tổ chức họp trực tuyến;

10.3. Tổ chức họp trực tiếp tại địa điểm tổ chức họp kết hợp họp trực tuyến.

Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

1.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

1.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

1.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

1.4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi

trong báo cáo tài chính gộp nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

1.5. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp muốn biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị bằng phương thức khác phương thức bầu dồn phiếu thì việc biểu quyết bằng phương thức đó phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ quy định tại khoản 2 Điều này trước khi tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

## **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

3.2. Mục đích lấy ý kiến;

3.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

3.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

4.1. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

4.2. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

4.3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

5.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

5.5. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu

không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

1.3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

1.9. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh

thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

1.2. Trình độ chuyên môn;

1.3. Quá trình công tác;

1.4. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

1.5. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

1.6. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

1.7. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông là cá nhân sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự

ứng cử mình làm ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông đã tự ứng cử không đồng thời thực hiện quyền đề cử, gộp nhóm đề cử người khác làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và ngược lại, cổ đông đã thực hiện quyền đề cử, gộp nhóm đề cử người khác làm ứng cử viên không đồng thời tự ứng cử mình làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử một (**01**) ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Việc ứng cử, đề cử, giới thiệu người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

4.1. Trong trường hợp cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cổ đông đó phải sử dụng toàn bộ số cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của mình để ứng cử hoặc đề cử cho một ứng cử viên duy nhất, không được phép chia nhỏ tỷ lệ cổ phần sở hữu để ứng cử, đề cử cho nhiều ứng cử viên.

4.2. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử phải duy trì cổ phần sở hữu tối thiểu đạt tỷ lệ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này trong suốt thời hạn kể từ khi ứng cử, đề cử ứng cử viên đến khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

4.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được quyền ứng cử hoặc đề cử một người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Căn cứ vào số lượng ứng cử viên (đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chuẩn) thông qua đề cử và ứng cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm được quyền giới thiệu thêm ứng cử viên với tổng số lượng ứng cử viên bằng hoặc lớn hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4.5. Thủ tục, hồ sơ, thời hạn ứng cử, đề cử do Hội đồng quản trị quy định và thông báo cho các cổ đông phổ thông để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

5.1. Là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

5.2. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

5.3. Lý lịch tư pháp trong sạch: không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp, chưa bị kết án về tội phạm theo pháp luật hình sự (người được xóa án tích coi như chưa bị kết án).

5.4. Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành quản trị kinh doanh, kinh tế, tài chính, luật, dệt may, hoặc chuyên ngành khác liên quan đến hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị đương nhiệm quyết định.

5.5. Kinh nghiệm: Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm quản lý điều hành hoặc quản trị doanh nghiệp; am hiểu về quản trị công ty đại chúng, thị trường chứng khoán.

5.6. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 0,1% cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục tính từ thời điểm lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm liền kề trước đó đến thời điểm được đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và phải liên tục duy trì sở hữu số cổ phần phổ thông bằng hoặc lớn hơn tỷ lệ tối thiểu này trong suốt thời hạn từ khi được đề cử, ứng cử cho đến hết nhiệm kỳ của mình. Điều kiện này không áp dụng đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

5.7. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

6. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán hoặc Điều lệ công ty có quy định khác, ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

6.1. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

6.2. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

6.3. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

6.4. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

6.5. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

6.6. Phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

## **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng Quản trị được bầu so le để đảm bảo rằng, Hội đồng Quản trị không thể bị thay thế toàn bộ và vào cùng một thời điểm vì bất kể lý do gì. Trong thời hạn 01 năm hoặc giữa hai kỳ Đại hội (tùy theo thời hạn nào dài hơn), Hội đồng Quản trị chỉ có thể thay thế tối đa đến 2 thành viên, trừ trường hợp bầu bổ sung thành viên HĐQT vì lý do thành viên HĐQT từ nhiệm. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp

tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Cách tính thời hạn nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị: Nhiệm kỳ bắt đầu từ thời điểm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị đó được thông qua và kết thúc vào thời điểm bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của năm cuối cùng trong nhiệm kỳ, không phụ thuộc vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ này có tròn 365 ngày trên một năm hay không.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

3.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải đảm bảo quy định sau:

3.2. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

3.3. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

3.4. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

3.5. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

4.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Có đơn từ chức/từ nhiệm và được chấp thuận;

c) Không liên tục duy trì sở hữu số cổ phần phổ thông bằng hoặc lớn hơn tỷ lệ tối thiểu quy định tại khoản 5.6 Điều 25 Điều lệ cho đến hết nhiệm kỳ của mình.

4.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

2.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

2.3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

2.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

2.5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

2.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

2.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

2.8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

2.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

2.10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

2.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình và giải thể công ty con; quyết định thành lập, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác;

2.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập

họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

2.13. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

2.14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

2.15. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

2.16. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

2.17. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm

cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

**Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

3.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

3.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

3.3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

3.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

3.5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3.6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày được Hội đồng quản trị bầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải sở hữu ít nhất **10%** cổ phần phổ thông của Công ty và liên tục duy trì sở hữu số cổ phần phổ thông bằng hoặc lớn hơn tỷ lệ tối thiểu này cho đến hết nhiệm kỳ của mình.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

5.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

5.2. Có đơn từ chức/từ nhiệm;

5.3. Trường hợp phải bầu thành viên khác giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 7 Điều này;

5.4. Không đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại khoản 4 Điều này;

5.5. Không liên tục duy trì sở hữu số cổ phần phổ thông bằng hoặc lớn hơn tỷ lệ tối thiểu quy định tại khoản 4 Điều này cho đến khi hết nhiệm kỳ của mình;

5.6. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

5.7. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty hoặc theo quyết định tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận

đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị [theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty]. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

8. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

8.1. Thực hiện các công việc, nhiệm vụ theo phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8.2. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

9.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

9.2. Có đơn từ chức/từ nhiệm;

9.3. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

9.4. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty hoặc theo quyết định tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường để thông qua nghị quyết, quyết định tại cuộc họp hoặc có thể thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng hình thức lấy ý kiến thông qua phương tiện điện tử.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

3.1. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

3.2. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

3.3. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

3.4. Có đề nghị của đa số thành viên Ủy Ban kiểm toán.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [01 ngày] làm việc trước ngày họp. Trường hợp do tính cấp thiết của vấn đề cần thảo luận, thông báo mời họp có thể được gửi chậm hơn thời hạn này với điều kiện phải được toàn bộ thành viên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo hạn gửi thông báo mời họp rút ngắn này, nếu không đủ số thành viên dự họp thì áp dụng thủ tục triệu tập họp lần thứ hai quy định tại khoản 7 Điều này.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, hình thức họp (hội nghị trực tiếp, hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến), chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây, tùy vào hình thức họp được nêu trong thông báo mời họp:

8.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

8.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

8.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

8.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

8.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử thì phải gửi trước khi kết thúc kiểm phiếu.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn], nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc lấy ý kiến biểu quyết thông qua phương tiện điện tử được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như thông qua tại cuộc họp.

## 12. Biểu quyết:

12.1. Trừ quy định tại khoản 12.2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

12.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

12.3. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

13. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của

Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

2.1. Có hiểu biết về pháp luật;

2.2. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

3.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

3.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

3.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

3.4. Tham dự các cuộc họp;

3.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

3.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

3.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

3.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

3.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

3.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

### Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Giám đốc các đơn vị phụ thuộc do Hội đồng quản trị lựa chọn, ký kết Hợp đồng thuê Giám đốc, tuân thủ Điều lệ này. Giám đốc các đơn vị phụ thuộc là người đứng đầu, quản lý và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty về toàn bộ hoạt động của đơn vị.

### Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và [người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty].

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

Mức lương, thù lao, lợi ích, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc được quy định chi tiết trong Hợp đồng thuê quản lý và/hoặc nghị quyết, quyết định, quy định, quy chế do người có thẩm quyền của Công ty ban hành. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể sau:

3.1. Là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

3.2. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

3.3. Lý lịch tư pháp trong sạch: không vi phạm pháp luật hình sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

3.4. Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành quản trị kinh doanh, kinh tế, tài chính, luật, dệt may, hoặc chuyên ngành khác liên quan đến hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

3.5. Kinh nghiệm: Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm quản lý điều hành hoặc quản trị doanh nghiệp, am hiểu về quản trị công ty đại chúng, thị trường chứng khoán.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

4.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

4.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty theo nghị quyết, quyết định của cấp có thẩm quyền;

4.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

4.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

4.6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc phù hợp với phân cấp quyền hạn của Hội đồng quản trị;

4.7. Tuyển dụng lao động theo phân cấp quyền hạn của Hội đồng quản trị;

4.8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

4.9. Thực hiện các công việc, nhiệm vụ theo phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị.

4.10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, [Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị].

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế trong trường hợp sau:

5.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc.

5.2. Có đơn từ chức/từ nhiệm.

5.3. Không tham gia các hoạt động điều hành Công ty trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

5.4. Vi phạm nghĩa vụ của Tổng giám đốc, trách nhiệm của người quản lý Công ty mà gây thiệt hại cho Công ty.

5.5. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty hoặc theo quyết định tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị.

## **IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán**

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

### **Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

2.1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

2.2. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

### **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán**

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

### **Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

### **Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

2.1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty];

2.2. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

2.3. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

2.4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

2.5. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

2.6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

2.7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

### **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu

ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Tổng giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.

7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

7.1. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn [35%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

7.2. Đối với giao dịch có giá trị từ [35%] trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [35%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

**Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. [Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên].

**XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY****Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

1.1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Việc xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết quy định tại khoản này phải được cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông thực hiện trực tiếp tại trụ sở chính của Công ty, không được quay phim, chụp ảnh, photo hoặc các phương thức sao chụp/lưu giữ dưới hình thức điện tử hoặc hình thức khác có nguy cơ xâm phạm đến quyền riêng tư và bảo mật thông tin của cổ đông khác.

1.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều

kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 44. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 45. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày

đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

##### **Điều 46. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

##### **Điều 47. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2003.

##### **Điều 48. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

#### **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 50. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 51. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 52. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

#### **Điều 53. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

1.1. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

1.2. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

1.3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

1.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ

đồng quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 54. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ **65%** trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

#### **Điều 55. Thanh lý**

1. Tối thiểu [06 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

3.1. Các chi phí thanh lý;

3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

3.3. Nợ thuế;

3.4. Các khoản nợ khác của Công ty;

3.5. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (3.1) đến (3.4) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

### **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

2.1. Cổ đông với Công ty;

2.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng

quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng [10 ngày] làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng [06 tuần] từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 57. Điều lệ công ty**

- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 58. Ngày hiệu lực**

- Bản điều lệ này gồm [21 mục, 58 điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG thông qua **ngày 19 tháng 4 năm 2026** tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- Điều lệ được lập thành 01 bản và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**  
(Người đại diện theo pháp luật)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VÀ THƯƠNG MẠI TNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2026

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;  
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;  
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số ...../2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2026.*

*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.*

*Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG bao gồm các nội dung sau:*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1.1. Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

**1.2. Đối tượng áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác, các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ công ty sẽ có ý nghĩa tương tự như được quy định trong Quy chế này.

## Chương II

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

**3.1.** Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

**3.2.** Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: Theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

#### Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

##### 4.1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

###### 4.1.1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam, quyết định họp theo một trong các hình thức: hội nghị trực tiếp, hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

###### 4.1.2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

(i) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

(ii) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

(iii) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

(iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

##### 4.2. Thông báo về việc triệu tập họp và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

**4.2.1.** Trước khi tiết hành họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải tổ chức cuộc họp để quyết định các vấn đề liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị và công tác tổ chức cho các phòng, ban chuyên môn của Công ty. Theo đó, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông (“**Ban tổ chức Đại hội**”) sẽ được thành lập để chuẩn bị và triển khai các công tác phục vụ cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải xác định ngày chốt danh sách cổ đông tham dự (“**ngày đăng ký cuối cùng**”), ngày diễn ra cuộc họp dự kiến và địa điểm, hình thức họp dự kiến để làm cơ sở lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

**4.2.2.** Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

**4.2.3.** Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện như sau:

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) để đề nghị VSDC lập và gửi cho Công ty danh sách cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng.

b) Hồ sơ đề nghị VSDC lập danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện theo quy định và/hoặc hướng dẫn của VSDC được ban hành và có hiệu lực vào thời điểm đề nghị lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

### **4.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

### **4.4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

**4.4.1.** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

**4.4.2.** Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức hợp lệ (có thể được gửi bằng đường bưu điện/chuyển phát nhanh, thư điện tử (email), tin nhắn điện thoại hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

**4.4.3.** Thông báo mời họp bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b) Tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông (được thể hiện trực tiếp trên thông báo mời họp hoặc trên bao bì đựng thông báo mời họp gửi đến cổ đông).

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Những yêu cầu đối với người dự họp nhằm đảm bảo cuộc họp diễn ra thành công;

e) Đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp (trong trường hợp tài liệu họp không gửi kèm Thông báo mời họp).

**4.4.4.** Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

c) Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu kín);

d) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

#### **4.5. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

##### **4.5.1. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

b) Chương trình cuộc họp phải xác định rõ thời gian dự kiến đối với từng thủ tục của cuộc họp và từng vấn đề trong nội dung cuộc họp.

c) Nội dung cuộc họp (“**Chương trình nghị sự**”) phải là các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, kèm theo đó là các tài liệu thuyết minh, giải trình, tờ trình, báo cáo liên quan đến Chương trình nghị sự hoặc thông tin chi tiết của ứng viên trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện bầu thành viên Hội đồng quản trị.

d) Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo cách thức quy định tại Điều 4.4.4 Quy chế này.

##### **4.5.2. Kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp**

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là [03] ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

b) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Điều 4.5.2(a) Quy chế này thì chậm nhất là [02] ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

(i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 4.5.2(a) Quy chế này;

(ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ công ty;

(iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(iv) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 4.5.2 này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 4.5.2(b) Quy chế này; đồng thời đăng tải nội dung kiến nghị và các tài liệu họp liên quan đến kiến nghị này lên trang thông tin điện tử của Công ty để các cổ đông theo dõi và xem xét. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **4.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

**4.6.1.** Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp (“**Người được ủy quyền dự họp**”) hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức họp lệ khác, tùy thuộc và hình thức họp Đại hội đồng cổ đông được Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định theo Quy chế này.

**4.6.2.** Người được ủy quyền dự họp không bắt buộc phải là Cổ đông. Ngoài ra, Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG làm đại diện cho mình tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

**4.6.3.** Việc ủy quyền cho Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 4.6.1 Quy chế này phải lập thành văn bản theo một trong cách hình thức sau:

- a) Bản giấy;
- b) Dữ liệu điện tử: email, tin nhắn điện thoại, tin nhắn zalo, ủy quyền thông qua hệ thống website của Công ty;
- c) Hình thức hợp lệ khác do Hội đồng quản trị quy định.

Trường hợp văn bản ủy quyền được tạo lập, xác nhận, gửi về Công ty thông qua email, tin nhắn điện thoại, tin nhắn zalo hay xác nhận bằng mã QR gửi về email/số điện thoại/zalo thì email, số điện thoại (zalo được tạo từ số điện thoại) này phải là email, số điện thoại liên hệ của Cổ đông đăng ký với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Cổ đông tự chịu trách nhiệm về việc đăng ký, quản lý, sử dụng email, số điện thoại liên hệ của Cổ đông tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và mặc định rằng việc tạo lập, xác nhận, gửi ủy quyền về Công ty, xác nhận mã QR thông qua email, số điện thoại, zalo này là chính chủ (do chính Cổ đông thực hiện hoặc được sự đồng ý, ủy quyền hợp lệ của Cổ đông).

**4.6.4.** Văn bản ủy quyền không bắt buộc phải theo mẫu của Công ty, nhưng phải đảm bảo được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải xuất trình văn bản ủy quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký dự họp hoặc có thể gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước giờ khai mạc đại hội.

**4.6.5.** Trường hợp tổ chức, cá nhân được Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức ủy quyền tham dự họp mà được phép ủy quyền lại và muốn ủy quyền lại cho người khác tham dự họp ("**Người tham dự họp**") thì bên cạnh văn bản ủy quyền lại, người tham dự họp phải xuất trình/gửi về Công ty thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) chậm nhất khi đăng ký dự họp trước giờ khai mạc Đại hội.

**4.6.6.** Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức chấm dứt ủy quyền, hủy bỏ ủy quyền hoặc thay đổi Người được ủy quyền dự họp phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trước ngày khai mạc đại hội.

**4.6.7.** Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một

trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

**4.6.8.** Căn cứ vào Quy chế này, Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật có liên quan và thực tế hình thức họp, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được lựa chọn, Hội đồng quản trị có quyền ban hành Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông, quy định/hướng dẫn chi tiết về hình thức ủy quyền, cách thức tạo lập và gửi ủy quyền cũng như các yêu cầu chi tiết có liên quan đến ủy quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **4.7. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

**4.7.1.** Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có thể đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc bằng nhiều hình thức, với điều kiện việc đăng ký tham dự này được thực hiện trong thời hạn được nêu trong Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và/hoặc theo Thông báo/Hướng dẫn chi tiết của Hội đồng quản trị.

**4.7.2.** Trong trường hợp đã đăng ký trước, cổ đông và Người được ủy quyền dự họp vẫn phải mang theo và xuất trình giấy tờ tùy thân, văn bản ủy quyền (nếu trước đó chưa gửi về Công ty theo hình thức hợp lệ) và các giấy tờ liên quan cần thiết cho Ban tổ chức đại hội để kiểm tra, đối chiếu và đăng ký tại nơi tổ chức đại hội.

**4.7.3.** Trường hợp cổ đông không đăng ký tham dự họp trước ngày khai mạc, cổ đông vẫn có thể đăng ký tham dự trực tiếp tại Đại hội.

**4.7.4.** Trước khi khai mạc cuộc họp, Ban tổ chức Đại hội phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông đến dự họp. Hội đồng quản trị hoặc Ban tổ chức Đại hội sẽ phân công cho một hoặc một số người để thực hiện kiểm tra tư cách Cổ đông ("**Ban kiểm tra tư cách cổ đông**"). Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông làm thủ tục đăng ký tại bàn đăng ký trước khi vào tham dự đại hội và ký tên xác nhận vào danh sách cổ đông tham dự đã được soạn sẵn.

**4.7.5.** Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ kiểm tra tư cách cổ đông khi Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp làm thủ tục đăng ký tham dự. Căn cứ vào danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ đối chiếu giấy tờ cá nhân của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp, kiểm tra thư mời, văn bản ủy quyền (nếu có). Trong trường hợp Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp không đáp ứng yêu cầu về tư cách cổ đông thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối việc tham dự đại hội của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đó.

**4.7.6.** Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

**4.7.7.** Khi đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, dựa trên các tài liệu họp đã được gửi kèm thư mời họp và/hoặc được đăng tải trên website của Công ty, Cổ đông chịu trách nhiệm kê khai chi tiết và trung thực về các lợi ích có liên quan của Cổ đông đối với các nội dung của chương trình họp Đại hội đồng cổ đông để Ban kiểm phiếu xem xét, loại bỏ Phiếu biểu quyết của Cổ đông này (trong trường hợp Cổ đông này vẫn tham gia biểu quyết) khi tiến hành kiểm phiếu. Trường hợp cổ đông không kê khai hoặc kê khai không chính xác,

trung thực về các lợi ích có liên quan của Cổ đông đó và các nội dung của chương trình hợp và gây thiệt hại cho các cổ đông khác và/hoặc Công ty, thì Cổ đông đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường toàn bộ các thiệt hại mà Công ty và/hoặc các cổ đông khác phải gánh chịu (nếu có).

#### **4.8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

**4.8.1.** Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông và Người được ủy quyền dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.

**4.8.2.** Hết [60 phút] kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội mà vẫn chưa đủ điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định tại Điều 4.8.1 Quy chế này thì Người triệu tập họp phải hủy cuộc họp theo lịch dự kiến đã thông báo. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30] ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

**4.8.3.** Hết [60 phút] kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội mà vẫn chưa đủ điều kiện tiến hành cuộc họp lần thứ hai theo quy định tại Điều 4.8.2 Quy chế này thì Người triệu tập họp phải hủy cuộc họp theo lịch dự kiến đã thông báo. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**4.8.4.** Trong trường hợp triệu tập họp lần thứ hai và lần thứ ba, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không cần lập lại danh sách cổ đông có quyền dự họp và có thể sử dụng danh sách mà Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam đã cung cấp trong lần triệu tập họp thứ nhất.

**4.8.5.** Chương trình và nội dung cuộc họp lần thứ hai và lần thứ ba vẫn sẽ được giữ nguyên như chương trình và nội dung cuộc họp đã được chuẩn bị cho lần họp thứ nhất.

#### **4.9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

**4.9.1.** Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc thành viên Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

**4.9.2.** Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Trường hợp muốn biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị bằng phương thức khác phương thức bầu dồn phiếu thì việc biểu quyết bằng phương thức đó phải được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trước khi tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

#### **4.10. Cách thức bỏ phiếu**

**4.10.1.** Căn cứ vào hình thức họp Đại hội đồng cổ đông được Hội đồng quản trị lựa chọn và nội dung, vấn đề cần biểu quyết, Hội đồng quản trị lựa chọn và quy định cách thức biểu quyết (“**cách thức bỏ phiếu**”) tại Đại hội bằng một hoặc kết hợp nhiều cách thức sau:

a) Biểu quyết/bỏ phiếu trực tiếp: Bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay biểu quyết tại

hội nghị trực tiếp;

b) Biểu quyết/Bỏ phiếu điện tử: Thực hiện biểu quyết/bỏ phiếu trên hệ thống biểu quyết/bỏ phiếu điện tử được áp dụng tại Đại hội;

c) Biểu quyết/Bỏ phiếu từ xa: Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

d) Biểu quyết/Bỏ phiếu bằng cách thức hợp lệ khác theo quy chế/quy định/hướng dẫn do Hội đồng quản trị ban hành.

**4.10.2.** Trong trường hợp Đại hội tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị, nếu người điều khiển việc biểu quyết không tổ chức biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu thông thường do luật định mà áp dụng phương thức khác phương thức bầu dồn phiếu thì việc áp dụng phương thức khác này phải được lấy biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông trước khi tiến hành bầu và chỉ được áp dụng khi được cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

**4.10.3.** Mẫu thẻ bầu cử và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có bầu thành viên Hội đồng quản trị) được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cùng với thông báo mời họp. Nội dung thẻ bầu cử và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử tùy thuộc vào chương trình, nội dung họp, cách thức/phương thức biểu quyết được lựa chọn áp dụng tại Đại hội theo quy định tại Quy chế này.

**4.10.4.** Khi tiến hành đăng ký cổ đông, tùy vào chương trình họp và hình thức/cách thức biểu quyết các vấn đề tại Đại hội mà Ban tổ chức Đại hội cấp cho từng Cổ đông tham dự hoặc Người được ủy quyền dự họp 01 Thẻ biểu quyết và/hoặc 01 Phiếu biểu quyết và 01 Phiếu bầu cử (trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có bầu thành viên Hội đồng quản trị). Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử thể hiện các thông tin chủ yếu của cổ đông/Người được ủy quyền dự họp bao gồm: Tên cổ đông/Người được ủy quyền dự họp, số đăng ký sở hữu, số cổ phần (sở hữu và đại diện) để phục vụ việc kiếu phiếu. Nội dung của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Thẻ bầu cử tùy thuộc vào nội dung chương trình Đại hội và hình thức/cách thức biểu quyết tương ứng với từng vấn đề cần biểu quyết.

**4.10.5.** Để đảm bảo tránh các trường hợp xung đột lợi ích, các Cổ đông có lợi ích liên quan hoặc là người có liên quan trong các trường hợp luật định sẽ không tham gia biểu quyết đối với các vấn đề, nội dung mà Cổ đông đó không có quyền biểu quyết. Đối với các nội dung, vấn đề khác, Cổ đông đó vẫn có quyền biểu quyết bình thường.

**4.10.6.** Hội đồng quản trị được ban hành và quy định chi tiết cách thức bỏ phiếu tại các Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Quy chế và/hoặc hướng dẫn biểu quyết/bầu cử phù hợp với hình thức họp và biểu quyết tại Đại hội được lựa chọn, Quy chế này và Điều lệ Công ty.

## **4.11. Cách thức kiểm phiếu**

**4.11.1.** Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm phiếu do Hội đồng quản trị quy định trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông, trong đó có tối thiểu 01 thành

viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị, 01 thành viên là cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Chủ tọa căn cứ vào quy định tại Quy chế để giới thiệu thành viên và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**4.11.2. Ban Kiểm phiếu có quyền và nghĩa vụ sau:**

- a) Hướng dẫn Cổ đông/Người đại diện của Cổ đông dự họp cách thức thực hiện việc biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.
- b) Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử.
- c) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu trước Đại hội.
- d) Bàn giao Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) cho Ban tổ chức Đại hội.
- e) Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

**4.11.3. Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm tra các phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, giám sát việc bỏ phiếu trực tiếp bằng giơ Thẻ biểu quyết/giơ tay biểu quyết (nếu có) và tổng hợp các nội dung sau:**

- a) Số cổ đông (hoặc số cổ đông tham dự trực tiếp và người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội) đã tham gia biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết;
- b) Số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ;
- c) Tổng số phiếu “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” đối với từng vấn đề;
- d) Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị.

**4.11.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sử dụng các phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch, mã QR và/hoặc các công nghệ nhận dạng khác để thực hiện kiểm phiếu nhằm đảm bảo tính chính xác và rút ngắn thời gian của việc kiểm phiếu. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng các thiết bị, công cụ, phần mềm này.**

**4.11.5. Tất cả các thành viên của Ban Kiểm phiếu liên đới chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu.**

## **4.12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

**4.12.1. Các nội dung, vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu đáp ứng được tỷ lệ thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật có liên quan.**

**4.12.2. Ngoài ra, Đại hội sẽ thực hiện thông qua toàn văn dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trước khi kết thúc Đại hội. Việc thông qua toàn văn dự thảo Nghị quyết và Biên bản họp sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp, công khai tại Đại hội tuân theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông và sự điều hành của Chủ tọa. Các nội dung này được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.**

## **4.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

**4.13.1. Sau khi tiến hành kiểm phiếu biểu quyết đối với toàn bộ các nội dung cần biểu quyết, Ban kiểm phiếu sẽ lập Biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu trước**

khi bế mạc cuộc họp (trừ nội dung thông qua toàn văn dự thảo Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Ban Chủ tọa/Ban Kiểm phiếu công khai bằng lời nói trực tiếp tại Đại hội và được ghi nhận vào Biên bản kiểm phiếu để công khai toàn văn Biên bản sau khi bế mạc cuộc họp).

**4.13.2.** Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung sau:

- a) Thời gian và địa điểm diễn ra việc kiểm phiếu;
- b) Thành phần Ban Kiểm phiếu;
- c) Tổng số Cổ đông (hoặc số Cổ đông tham dự trực tiếp và người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội) tham gia biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết của họ;
- d) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

**4.13.3.** Trưởng Ban Kiểm phiếu phải ký vào Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản.

**4.13.4.** Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn [24 giờ] kể từ thời điểm thông quan Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **4.14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

**4.14.1.** Trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể thể hiện ý kiến không tán thành và sử dụng số phiếu biểu quyết tương ứng của mình để thực hiện việc phủ quyết hoặc có thể không tham gia biểu quyết.

**4.14.2.** Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

**4.14.3.** Trong thời hạn [90 ngày] kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

**4.14.4.** Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 4.14.3 Quy chế này, nghị quyết đó vẫn

có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

#### **4.15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:**

**4.15.1.** Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

**4.15.2.** Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

**4.15.3.** Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

**4.15.4.** Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn [24 giờ] kể từ thời điểm được thông qua.

#### **4.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

**4.16.1.** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

**4.16.2.** Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu kèm theo trong Nghị quyết, Biên bản họp (nếu có) phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng [24 giờ] kể từ thời điểm được ban hành.

**4.16.3.** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Nghị quyết, Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan khác đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 5. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản**

### **5.1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản**

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trừ vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **5.2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:**

#### **5.2.1. Thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:**

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

#### **5.2.2. Thông báo về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:**

a) Khi xét thấy cần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành họp thống nhất các vấn đề cần lấy ý kiến, phân công nhiệm vụ chuẩn bị và công tác tổ chức lấy ý kiến.

b) Tại cuộc họp, Hội đồng quản trị phải xác định mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến, đồng thời chốt ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông được lấy ý kiến bằng văn bản. Các nội dung này phải được thể hiện bằng Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị phải thực hiện công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông được lấy ý kiến bằng văn bản tối thiểu [20 ngày] trước ngày đăng ký cuối cùng.

d) Thông báo về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch.

#### **5.2.3. Lập danh sách cổ đông được lấy ý kiến bằng văn bản**

a) Danh sách cổ đông được lấy ý kiến là danh sách cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng.

b) Khi xét thấy cần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ gửi hồ sơ thông báo đến VSDC để yêu cầu lập danh sách cổ đông của Công ty dựa trên dữ liệu của VSDC.

c) Hồ sơ đề nghị VSDC lập danh sách cổ đông được lấy ý kiến sẽ được thực hiện theo quy định và/hoặc hướng dẫn của VSDC được ban hành và có hiệu lực vào thời điểm đề nghị lập danh sách cổ đông được lấy ý kiến.

d) Danh sách cổ đông được lấy ý kiến được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

**5.2.4. Phiếu lấy ý kiến và thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến**

a) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

(vi) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời. Theo đó, Cổ đông phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty trong thời hạn quy định trong phiếu lấy ý kiến.

(vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**5.2.5. Cách thức gửi phiếu lấy ý kiến**

a) Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các Cổ đông trong danh sách cổ đông được lấy ý kiến bằng phương thức hợp lệ (có thể được gửi bằng đường bưu điện/chuyển phát nhanh, thư điện tử (email), tin nhắn điện thoại hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông).

b) Các tài liệu giải trình cho dự thảo Nghị quyết và các nội dung cần lấy ý kiến có thể được gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến hoặc đăng tải trên website của Công ty để các Cổ đông xem xét trước khi thực hiện trả lời phiếu lấy ý kiến.

c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư qua đường bưu điện/chuyển phát nhanh, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

(i) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.

d) Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

**5.2.6. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu**

- a) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.
- b) Việc kiểm phiếu được thực hiện cho từng vấn đề lấy ý kiến và tổng hợp theo kết quả biểu quyết “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến” và/hoặc kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị (tùy thuộc vào vấn đề lấy ý kiến cổ đông và cách thức biểu quyết được Hội đồng quản trị quy định).
- c) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - (iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - (v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- d) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

#### **5.2.7. Thông báo kết quả kiểm phiếu và công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

- a) Căn cứ và kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
- b) Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong thời hạn [24 giờ] kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- c) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**5.2.8.** Căn cứ vào Quy chế này, Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu thực tế của việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Hội đồng quản trị có quyền ban hành các Quy chế, quy định/hướng dẫn chi tiết về trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến**

**6.1.** Bên cạnh hình thức tổ chức hội nghị trực tiếp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến khi xảy ra một

trong trường hợp:

6.1.1. Xảy ra sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, các quyết định hạn chế hoặc cấm đoán của Nhà nước;

6.1.2. Các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp.

6.1.3. Hội đồng quản trị quyết định áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến.

**6.2.** Trong trường hợp quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến, Hội đồng quản trị có quyền và trách nhiệm ban hành các Quy chế, quy định/hướng dẫn chi tiết trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến họp lệ, phù hợp với quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu thực tế của việc tổ chức Đại hội theo hình thức hội nghị trực tuyến.

### **Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến**

**7.1.** Bên cạnh việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp hoặc hình thức hội nghị trực tuyến theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế này, tùy theo tình hình thực tế mà Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

**7.2.** Trong trường hợp quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, Hội đồng quản trị có quyền và trách nhiệm ban hành các Quy chế, quy định/hướng dẫn chi tiết trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến họp lệ, phù hợp với quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu thực tế của việc tổ chức Đại hội theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

## **Chương III**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

**8.1.** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**8.2.** Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: Theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

**8.3.** Nhiệm vụ, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị: Theo Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật hiện hành và sự phân công, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.

**8.3.** Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

**8.4.** Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Chi nhánh, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty, với điều kiện là việc cung cấp thông tin đó phải phục vụ cho mục đích thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị và việc cung cấp thông tin đó phải được thông báo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do yêu cầu, mục đích sử dụng thông tin, kèm theo cam kết sử dụng đúng mục đích và bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

**8.5.** Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị sử dụng sai mục đích hoặc tiết lộ/làm lộ thông tin, thành viên đó sẽ phải chịu toàn bộ trách nhiệm cá nhân về hành vi vi phạm của mình và các thiệt hại mà Công ty phải gánh chịu.

## **Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

### **9.1. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị**

**9.1.1.** Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là [05] người và nhiều nhất là [11] người, số lượng cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**9.1.2.** Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị được bầu so le để đảm bảo rằng Hội đồng quản trị không thể bị thay thế toàn bộ và vào cùng một thời điểm vì bất kỳ lý do gì. Trong thời hạn 01 năm hoặc giữa hai kỳ Đại hội (tùy theo thời hạn nào dài hơn), Hội đồng quản trị chỉ có thể thay thế tối đa đến 2 thành viên, trừ trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị vì lý do thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Cách tính thời hạn nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị: Nhiệm kỳ bắt đầu từ thời điểm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị đó được thông qua và kết thúc vào thời điểm bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của năm cuối cùng trong nhiệm kỳ, không phụ thuộc vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ này có tròn 365 ngày trên một năm hay không.

**9.1.3.** Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại của pháp luật.

### **9.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị**

**9.2.1.** Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải đảm bảo quy định sau:

(i) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

(ii) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên

Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

(iii) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

(i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

(ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

(iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

### **9.2.2. Điều kiện và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị**

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

(i) Là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

(ii) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam quy định tại Luật Doanh nghiệp.

(iii) Lý lịch tư pháp trong sạch: không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp, chưa bị kết án về tội phạm theo pháp luật hình sự (người được xóa án tích coi như chưa bị kết án).

(iv) Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành quản trị kinh doanh, kinh tế, tài chính, luật, dệt may, hoặc chuyên ngành khác liên quan đến hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị đương nhiệm quyết định.

(v) Kinh nghiệm: Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm quản lý điều hành hoặc quản trị doanh nghiệp; am hiểu về quản trị công ty đại chúng, thị trường chứng khoán.

(vi) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 0,1% cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục tính từ thời điểm lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm liền kề trước đó đến thời điểm được đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và phải liên tục duy trì sở hữu số cổ phần phổ thông bằng hoặc lớn hơn tỷ lệ tối thiểu này trong suốt thời hạn từ khi được đề cử, ứng cử cho đến hết nhiệm kỳ của mình. Tiêu chuẩn và điều kiện này không áp dụng đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

(vii) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

b) Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán hoặc Điều lệ công ty có quy định khác, ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 9.2.2(a) nêu trên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

(i) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

(ii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

(iii) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con

nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

(iv) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

(v) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

(vi) Phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh

**9.2.3.** Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện nêu trên và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

### **9.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**

**9.3.1.** Cổ đông là cá nhân sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự ứng cử mình làm ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông đã tự ứng cử không đồng thời thực hiện quyền đề cử, gộp nhóm đề cử người khác làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và ngược lại, cổ đông đã thực hiện quyền đề cử, gộp nhóm đề cử người khác làm ứng cử viên không đồng thời tự ứng cử mình làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

**9.3.2.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử **01** ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**9.3.3.** Việc ứng cử, đề cử, giới thiệu người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cổ đông đó phải sử dụng toàn bộ số cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của mình để ứng cử hoặc đề cử cho một ứng cử viên duy nhất, không được phép chia nhỏ tỷ lệ cổ phần sở hữu để ứng cử, đề cử cho nhiều ứng cử viên.

b) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử phải duy trì cổ phần sở hữu tối thiểu đạt tỷ lệ quy định tại Điều 9.3.1 và Điều 9.3.2 nêu trên trong suốt thời hạn kể từ khi ứng cử, đề cử ứng cử viên đến khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 9.3.1 và Điều 9.3.2 nêu trên được quyền ứng cử hoặc đề cử một người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Căn cứ vào số lượng ứng

cử viên (đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chuẩn) thông qua đề cử và ứng cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm được quyền giới thiệu thêm ứng cử viên với tổng số lượng ứng cử viên bằng hoặc lớn hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

e) Thủ tục, hồ sơ, thời hạn ứng cử, đề cử do Hội đồng quản trị quy định và thông báo cho các cổ đông phổ thông để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**9.3.4.** Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

**9.3.5.** Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

#### **9.4. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị**

Căn cứ vào số lượng ứng cử viên (đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chuẩn) thông qua đề cử và ứng cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm được quyền giới thiệu thêm ứng cử viên với tổng số lượng ứng cử viên bằng hoặc lớn hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

#### **9.5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

**9.5.1.** Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**9.5.2.** Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

**9.5.3.** Trường hợp muốn biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị bằng phương thức khác phương thức bầu dồn phiếu thì việc biểu quyết bằng phương thức đó phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành

**9.5.4.** Hội đồng quản trị có quyền và trách nhiệm ban hành các Quy chế, quy định/hướng dẫn chi tiết cách thức biểu quyết/bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật có liên quan và phương thức bầu thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu có).

## **9.6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

**9.6.1.** Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Có đơn từ chức/từ nhiệm và được chấp thuận: Việc miễn nhiệm trong trường hợp này chỉ có hiệu lực khi có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- c) Không liên tục duy trì sở hữu ít nhất 0,1% cổ phần phổ thông của Công ty cho đến hết nhiệm kỳ của mình.
- d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

**9.6.2.** Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

**9.6.3.** Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điều 9.6.1 và Điều 9.6.2 nêu trên.

**9.6.4.** Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ và số lượng quy định tại Điều 9.2.1 Quy chế này.
- c) Trừ trường hợp quy định tại Điều 9.6.4(a) và 9.6.4(b) nêu trên, Đại hội đồng cổ đông

bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **9.7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **9.8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**9.8.1.** Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số các thành viên hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày được Hội đồng quản trị bầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải sở hữu ít nhất 10% cổ phần phổ thông của Công ty và liên tục duy trì sở hữu số cổ phần phổ thông bằng hoặc lớn hơn tỷ lệ tối thiểu này cho đến hết nhiệm kỳ của mình.

**9.8.2.** Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

**9.8.3.** Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn [07 ngày làm việc] kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết/quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**9.8.4.** Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

**10.1.** Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

**10.2.** Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

**10.3.** Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**10.4.** Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**10.5.** Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên

Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

**10.6.** Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

### **11.1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý**

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường để thông qua nghị quyết, quyết định tại cuộc họp hoặc có thể thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng hình thức lấy ý kiến thông qua phương tiện điện tử.

### **11.2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị**

**11.2.1.** Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
- d) Có đề nghị của đa số thành viên Ủy ban kiểm toán.

**11.2.2.** Đề nghị quy định tại Điều 11.2.1 nêu trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

**11.2.3.** Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn [07 ngày làm việc] kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 11.2.1 nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

### **11.3. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị**

**11.3.1.** Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [01 ngày] làm việc trước ngày họp.

**11.3.2.** Trường hợp do tính cấp thiết của vấn đề cần thảo luận, thông báo mời họp có thể được gửi chậm hơn thời hạn này với điều kiện phải được toàn bộ thành viên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo theo hạn gửi thông báo mời họp rút ngắn này, nếu không đủ số thành viên dự họp thì áp dụng thủ tục triệu tập họp lần thứ hai quy định tại Điều 11.4.2 Quy chế này.

**11.3.3.** Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, hình thức họp (hội nghị trực tiếp, hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến), chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

**11.3.4.** Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

#### **11.4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

**11.4.1.** Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp.

**11.4.2.** Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Quy chế này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

**11.4.3.** Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây, tùy vào hình thức họp được nêu trong thông báo mời họp:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

#### **11.5. Cách thức biểu quyết**

**11.5.1.** Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc lấy ý kiến biểu quyết thông qua phương tiện điện tử, phù hợp với hình thức họp/lấy ý kiến được người triệu tập họp/người tổ chức lấy ý quyết định và thông báo theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

**11.5.2.** Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền (nếu có) tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị với tư cách cá nhân có [01] phiếu biểu quyết.

**11.5.3.** Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đã trả lời đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, phương tiện khác (nếu có). Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử thì phải gửi trước khi kết thúc kiểm phiếu.

**11.5.4.** Trong trường hợp cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, trực tuyến hay họp trực tiếp kết hợp trực tuyến, các thành viên Hội đồng quản trị có thể biểu quyết bằng cách phát biểu “tán thành”, “không tán thành” hoặc “không có ý kiến: hoặc biểu quyết bằng cách giơ tay đối với mỗi vấn đề cần biểu quyết.

**11.5.5.** Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

**11.5.6.** Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến

mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

## **11.6. Điều kiện thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

**11.6.1.** Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**11.6.2.** Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc lấy ý kiến biểu quyết thông qua phương tiện điện tử sẽ được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như thông qua tại cuộc họp.

## **11.7. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**

**11.7.1.** Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

**11.7.2.** Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và thông báo cho Hội đồng quản trị để phê duyệt trước khi khai mạc cuộc họp.

**11.7.3.** Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền và giấy tờ pháp lý khác của cá nhân khi tham gia họp Hội đồng quản trị.

## **11.8. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;**

**11.8.1.** Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

**11.8.2.** Biên bản họp bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham

dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định nêu trên thì biên bản này có hiệu lực.

**11.8.3.** Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

**11.8.4.** Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

**11.8.5.** Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

### **11.9. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về một số nội dung quy định bắt buộc phải thực hiện công bố thông tin và Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định.

## **Chương IV**

### **ỦY BAN KIỂM TOÁN**

#### **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán**

**12.1.** Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị.

**12.2.** Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán: Theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 13. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán**

##### **13.1. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán**

13.1.1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ cụ thể của Ủy ban kiểm toán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

13.1.2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

13.1.3. Thành viên thuộc Ủy ban kiểm toán có thể được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực cụ thể và phải chịu trách nhiệm về công việc được giao. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phân công công việc cho các thành viên của Ủy ban dựa trên năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của mỗi thành viên và kế hoạch hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

##### **13.2. Tiêu chuẩn của Ủy ban kiểm toán**

**13.2.1.** Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

**13.2.2.** Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

##### **13.2. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán**

Theo Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và các quy định/hướng dẫn/thông báo do Hội đồng quản trị ban hành.

#### **Điều 14. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán**

Ủy ban kiểm toán chịu trách nhiệm trong các hoạt động liên quan tới:

- 14.1.** Giám sát đối với báo cáo tài chính.
- 14.2.** Hoạt động kiểm toán nội bộ.
- 14.3.** Dịch vụ do kiểm toán độc lập cung cấp.
- 14.4.** Kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro.
- 14.5.** Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật.

Chi tiết quy định tại Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

### **Chương V**

## **CÁC TIỂU BAN KHÁC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 15. Các Tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị**

**15.1.** Ngoài Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có thể thành lập thêm Tiểu ban nhân sự - thù lao - lương thưởng, Tiểu ban chính sách phát triển, Tiểu ban phát triển bền vững, Tiểu ban quan hệ cổ đông để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.

**15.2.** Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 16. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị**

##### **16.1. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị**

**16.1.1.** Số lượng thành viên của mỗi tiểu ban có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ cụ thể của các tiểu ban sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với Quy chế hoạt động của các tiểu ban.

**16.1.2.** Cơ cấu, tiêu chuẩn của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị: Theo quyết định của Hội đồng quản trị và/hoặc Quy chế hoạt động của các tiểu ban.

##### **16.2. Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị**

Theo Quy chế hoạt động của các tiểu ban và các quy định/hướng dẫn/thông báo do Hội đồng quản trị ban hành.

#### **Điều 17. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị.**

**17.1.** Các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, trách nhiệm theo sự phân công, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và/hoặc Quy chế hoạt động của các tiểu ban.

**17.2.** Thành viên thuộc mỗi tiểu ban có thể được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực cụ thể và phải chịu trách nhiệm về công việc được giao. Chủ tịch tiểu ban phân công công việc cho các thành viên của tiểu ban dựa trên năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của

mỗi thành viên và kế hoạch hoạt động của các tiểu ban.

## **Chương VI**

### **NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Điều 18. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

#### **18.1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty**

**18.1.1.** Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

**18.1.2.** Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **18.2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

**18.2.1.** Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Số lượng Người phụ trách quản trị công ty cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

**18.2.2.** Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

**18.2.3.** Người phụ trách quản trị công ty có thể là nhân sự chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

**18.2.4.** Hội đồng quản trị sẽ ban hành quyết định bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị Công ty là 05 (năm) hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

#### **18.3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

**18.3.1.** Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty vào bất kỳ thời điểm nào trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn theo Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- b) Có đơn xin từ chức/từ nhiệm và được chấp thuận;
- c) Chấm dứt hợp đồng với Công ty.
- d) Trường hợp khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**18.3.2.** Việc miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

**18.4.** Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Công ty thực hiện công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật.

**18.5.** Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty: Theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG VII**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 19. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**

**19.1.** Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

**19.2.** Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động/hợp đồng thuê với công ty (nếu có) và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại điều này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

**19.3.** Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: Theo Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật hiện hành và chấp hành theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**19.4.** Tổng giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của Cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán bằng văn bản.

**19.5.** Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải gửi tờ trình đến Hội đồng quản trị ít nhất [07 ngày] trước ngày Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết, quyết định hoặc một thời hạn ngắn hơn nếu được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đồng ý.

**Điều 20. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc****20.1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc**

**20.1.1.** Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**20.1.2.** Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể sau:

- a) Là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- b) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- c) Lý lịch tư pháp trong sạch: không vi phạm pháp luật hình sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
- d) Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành quản trị kinh doanh, kinh tế, tài chính, luật, dệt may, hoặc chuyên ngành khác liên quan đến hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.
- đ) Kinh nghiệm: Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm quản lý điều hành hoặc quản trị doanh nghiệp, am hiểu về quản trị công ty đại chúng, thị trường chứng khoán.
- e) Không được đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.
- g) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.

h) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **20.2. Đề cử Tổng giám đốc**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tiểu ban nhân sự - thù lao - lương thưởng hoặc người quản lý của Công ty đề cử bằng văn bản về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc, trong đó nêu rõ ý kiến đánh giá của mình về điều kiện và tiêu chuẩn của người được đề cử kèm theo hồ sơ của người được đề cử.

## **20.3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động/hợp đồng thuê với Tổng giám đốc;**

### **20.3.1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc:**

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế này.

b) Việc bổ nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **20.3.2. Ký hợp đồng lao động/hợp đồng thuê với Tổng giám đốc:**

a) Theo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ thay mặt Công ty ký kết hợp đồng lao động/hợp đồng thuê với Tổng giám đốc.

b) Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác do Hội đồng quản trị quyết định, được thể hiện trong hợp đồng lao động/hợp đồng thuê đối với Tổng giám đốc và/hoặc các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.

## **20.4. Miễn nhiệm Tổng giám đốc**

**20.4.1.** Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

**20.4.2.** Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a) Có đơn từ chức/từ nhiệm.

b) Hợp đồng lao động/thuê Tổng giám đốc chấm dứt.

c) Đủ tuổi nghỉ hưu và hai bên không thỏa thuận tiếp tục thực hiện Hợp đồng lao động/thuê Tổng giám đốc.

d) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định;

đ) Không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật hoặc điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty.

e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động/thuê Tổng giám đốc.

g) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

h) Trường hợp cần thiết khác theo quyết định của Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành.

## **20.5. Chấm dứt hợp đồng lao động/hợp đồng thuê với Tổng giám đốc**

Công ty tiến hành chấm dứt hợp đồng lao động/hợp đồng thuê với Tổng giám đốc sau khi Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết, quyết định miễn nhiệm Tổng giám đốc. Việc chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc tuân theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty,

Quy chế này và các quy định khác của Công ty.

## **20.6. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc**

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

### **Điều 21. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc**

**21.1.** Tiền lương, thù lao, thưởng, trợ cấp và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

**21.2.** Tiền lương, thù lao của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **Chương VIII**

### **HIỆU LỰC THI HÀNH**

#### **Điều 22. Hiệu lực và tổ chức thi hành**

**22.1.** Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2026.

**22.2.** Những nội dung không được quy định hoặc đề cập trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và/hoặc quy định của pháp luật hiện hành.

**22.3.** Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với quy định của Quy chế này, những quy định của pháp luật sẽ được áp dụng để điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

**22.4.** Hội đồng quản trị được quyền thông qua và ban hành các Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông, Quy chế biểu quyết, bầu cử/bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và các tiểu ban khác của Hội đồng quản trị, các quyết định, thông báo/hướng dẫn của Hội đồng quản trị để quy định chi tiết nội dung của Quy chế này hoặc hướng dẫn thực hiện những nội dung không được quy định hoặc đề cập trong Quy chế này thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**22.5.** Để phân định thẩm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân có liên quan đến việc tạo lập, thực hiện, quản lý và kiểm soát các giao dịch kinh tế phát sinh tại Công ty, Kế toán trưởng đề xuất Tổng giám đốc kiến nghị để Hội đồng quản trị thông qua và ban hành quy chế quản lý nội bộ (hoặc các tài liệu tương đương) quy định về những nội dung nêu trên theo nguyên tắc:

a) Việc tạo lập, thực hiện, quản lý và kiểm soát các giao dịch kinh tế phát sinh tại Công ty phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế, chính sách và quy định nội bộ có liên quan.

b) Hệ thống quy chế, quy trình được xây dựng và tổ chức thực hiện bảo đảm tính minh

bach, hiệu quả, phòng ngừa rủi ro, tham nhũng, lãng phí và tiêu cực có thể phát sinh liên quan đến giao dịch kinh tế.

c) Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình đối với việc thiết lập, vận hành và giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Thời**

Số: 05/TTr-TNG-ĐHĐCĐ 2026

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 03 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị  
và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;

- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Mạnh Linh ngày 27/8/2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 487/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 về việc chấp thuận Đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Mạnh Linh;

- Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động quản trị, quản lý Công ty.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2026 thông qua nội dung miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

### 1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 27/8/2025, ông Nguyễn Mạnh Linh - thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2024-2029) có Đơn xin từ nhiệm khỏi vị trí thành viên HĐQT với lý do công việc cá nhân.

Trên cơ sở Đơn xin từ nhiệm của ông Nguyễn Mạnh Linh, để đảm bảo việc miễn nhiệm thành viên HĐQT theo đúng quy định của pháp luật, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua việc miễn nhiệm thành viên đối với:

- Ông Nguyễn Mạnh Linh - Thành viên HĐQT

### 2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031

Trong trường hợp nội dung miễn nhiệm thành viên HĐQT có Đơn xin từ nhiệm là ông Nguyễn Mạnh Linh được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua, để đảm bảo



duy trì đủ số lượng 07 thành viên HĐQT theo cơ cấu đã được phê duyệt thì ĐHĐCĐ cần bầu bổ sung thêm 01 (một) thành viên HĐQT thay thế thành viên đã miễn nhiệm.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua nội dung bầu bổ sung thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2026-2031) thay thế cho thành viên được miễn nhiệm như sau:

**Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT:** 01 thành viên.

**Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được bầu thay thế:** 2026-2031.

Thông tin liên quan của các ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT sẽ được HĐQT công bố sau khi tổng hợp danh sách đề cử, ứng cử, giới thiệu ứng cử viên hợp lệ và trong thời hạn theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



CÔNG TY  
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ THƯƠNG MẠI  
TNG

NGUYỄN VĂN THỜI



CÔNG TY  
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ THƯƠNG MẠI  
TNG

Số: 03/TB-TNG

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 03 năm 2026

## THÔNG BÁO

Về việc ứng cử, đề cử ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị  
Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (nhiệm kỳ 2026 - 2031)

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn  
thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn  
thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành của Công ty cổ phần Đầu tư  
và Thương mại TNG;

Căn cứ Tờ trình số 05/TTr-TNG-ĐHĐCĐ 2026 ngày 24/03/2026 của Hội đồng  
quản trị Công ty “miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ  
2026-2031”.

Để đảm bảo duy trì đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”) của  
Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (“TNG”) theo cơ cấu đã được Đại hội đồng  
cổ đông thông qua, HĐQT TNG xin thông báo tới Quý Cổ đông về việc ứng cử, đề cử  
ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 thay thế cho thành viên  
được Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm như sau:

### I. Số lượng và nhiệm kỳ bầu bổ sung thành viên HĐQT

1. Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT: 01 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được bầu thay thế: 2026-2031.

### II. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT

1. Là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không  
có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều 17  
Luật Doanh nghiệp năm 2020.



2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của TNG.

3. Chỉ có thể đồng thời là thành viên HĐQT hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

4. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 0,1% cổ phần phổ thông của TNG trong thời hạn liên tục tính từ thời điểm lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đến thời điểm được đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và phải liên tục duy trì sở hữu số cổ phần phổ thông bằng hoặc lớn hơn tỷ lệ tối thiểu này trong suốt thời hạn từ khi được đề cử, ứng cử cho đến hết nhiệm kỳ của mình (Tiêu chuẩn này không áp dụng đối với thành viên độc lập HĐQT).

5. Được ứng cử, đề cử theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

6. Đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện khác (nếu có) theo quy định của Luật chứng khoán.

### **III. Ứng cử, đề cử ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT**

#### **1. Đối tượng được quyền ứng cử, đề cử**

Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của TNG.

#### **2. Quyền ứng cử**

Cổ đông là cá nhân sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự ứng cử mình làm ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031.

#### **3. Quyền đề cử**

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử 01 (một) ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031.

b) Trong trường hợp các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.

4. Cổ đông đã tự ứng cử không đồng thời thực hiện quyền đề cử, gộp nhóm đề cử người khác làm ứng cử viên HĐQT và ngược lại, cổ đông đã thực hiện quyền đề cử, gộp nhóm đề cử người khác làm ứng cử viên không đồng thời tự ứng cử mình làm ứng cử viên HĐQT.

0305  
NG  
AN  
LƯU  
TN  
HUNG

- Trong trường hợp cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên HĐQT, cổ đông phải sử dụng toàn bộ số cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của mình để ứng cử hoặc đề cử cho 01 (một) ứng cử viên duy nhất, không được chia nhỏ tỷ lệ cổ phần sở hữu để ứng cử, đề cử cho nhiều ứng cử viên.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử phải duy trì cổ phần sở hữu tối thiểu đạt tỷ lệ 10% tổng số cổ phần phổ thông của TNG trong suốt thời hạn kể từ khi ứng cử, đề cử ứng cử viên đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 biểu quyết bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030.

Căn cứ vào số lượng ứng cử viên (đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chuẩn) thông qua ứng cử, đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, HĐQT đương nhiệm được quyền giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

#### **IV. Công bố thông tin ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031, TNG công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 trên trang thông tin điện tử của TNG để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Danh sách ứng cử viên sẽ được lập theo thứ tự:

- (i) Ứng cử viên tự ứng cử;
- (ii) Ứng cử viên được cổ đông/nhóm cổ đông đề cử;
- (iii) Ứng cử viên được HĐQT đương nhiệm giới thiệu (nếu có).

2. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới TNG và các bên có liên quan của TNG;
- f) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có);
- g) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

#### **V. Hướng dẫn gửi hồ sơ ứng cử, đề cử**

3)-----  
*Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên*

123  
T  
Y  
A  
U  
G  
M  
G  
T

Các cổ đông, nhóm cổ đông gửi hồ sơ ứng cử, đề cử ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT về địa chỉ:

**Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG**

Số 434/1 đường Bắc Kạn, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

**Hồ sơ bao gồm:**

- 01 (một) bản gốc Đơn ứng cử, đề cử ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT (theo Mẫu số 01);

- 01 (một) bản gốc Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên;

- 01 (một) bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân và các văn bằng chứng chỉ chuyên môn của ứng cử viên;

- 01 (một) bản thông tin cá nhân của ứng cử viên do chính ứng cử viên lập và xác nhận (theo Mẫu số 02).

- 01 (một) giấy đề nghị TNG xác nhận về số cổ phần phổ thông TNG mà ứng cử viên sở hữu do ứng cử viên lập (theo Mẫu số 03).

Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của TNG nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

**Thời gian nhận hồ sơ: muộn nhất là 17h00 ngày 01/4/2026.**

(Các hồ sơ ứng cử, đề cử mà TNG nhận được sau 17h00 ngày 01/4/2026 đều không có giá trị).

HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG sẽ xem xét, đánh giá và thực hiện các thủ tục theo quy định hiện hành để thống nhất danh sách ứng cử viên gửi cổ đông để tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031.

Trân trọng thông báo!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**  
  
**NGUYỄN VĂN THỜI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN  
ĐỂ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG,

Căn cứ Thông báo số 03/TB-TNG ngày 24/03/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (“TNG”) về việc ứng cử, đề cử ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị TNG (nhiệm kỳ 2026 - 2031), tôi/chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu/tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông sở hữu ..... cổ phần phổ thông của TNG, bao gồm:

TT	Họ tên cổ đông (hoặc tên tổ chức với trường hợp cổ đông là tổ chức)	Số CMND/CCCD/ĐKKD	Số cổ phần phổ thông sở hữu	Tỷ lệ số cổ phần phổ thông sở hữu/ Tổng số cổ phần phổ thông của TNG	Chữ ký và đóng dấu (trong trường hợp cổ đông là tổ chức)
1					
2					
<b>TỔNG CỘNG</b>					

Tôi/Chúng tôi xin thông báo và cam kết với Hội đồng quản trị TNG như sau:

1. Thống nhất ứng cử/đề cử người có tên dưới đây làm ứng cử viên để bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị TNG nhiệm kỳ 2026 - 2031:

Ông/bà .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số đăng ký sở hữu cổ phiếu TNG: .....

Địa chỉ: .....

2. Ứng cử viên nêu trên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định và Điều lệ của TNG.

3. Tôi/Chúng tôi đảm bảo luôn duy trì tỷ lệ sở hữu số cổ phần phổ thông TNG trong thời hạn kể từ khi ứng cử/đề cử ứng cử viên cho đến khi kết thúc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị TNG nhiệm kỳ 2026 – 2031 nhằm đảm bảo hiệu lực pháp lý của việc ứng cử/đề cử các ứng viên trên.

4. Chúng tôi cử Ông/Bà có tên dưới đây đại diện cho nhóm cổ đông chúng tôi để trực tiếp liên hệ, làm việc với TNG và tiến hành các thủ tục liên quan đến việc ứng cử/đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung vào Hội đồng Quản trị TNG:

Ông/Bà: .....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu số: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Chữ ký thứ 1	Chữ ký thứ 2

Tôi/Chúng tôi xin gửi kèm theo thông báo này danh sách và hồ sơ có liên quan của ứng cử viên lập theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu của TNG. Tôi/chúng tôi xin cam kết hồ sơ và những thông tin cá nhân trong hồ sơ ứng cử viên do tôi/chúng tôi cung cấp là trung thực và chính xác.

Trong trường hợp cần thêm thông tin chi tiết, đề nghị liên lạc với tôi/đại diện cho nhóm cổ đông là Ông/Bà:....., số điện thoại:....., email: .....

Trân trọng!

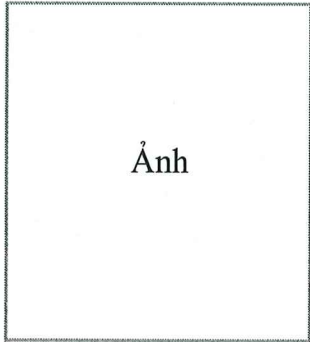
....., ngày ... tháng ... năm 2026  
**CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CHO NHÓM CỔ ĐÔNG**  
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BO  
CỔ  
HÀ  
HU  
T  
HUI

**BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN  
CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
(NHIỆM KỲ 2026-2031)**

**1. Thông tin cá nhân**

- Họ và tên: .....
- Giới tính: .....
- Ngày, tháng, năm sinh: .....
- Nơi sinh: .....
- Quốc tịch: .....



**2. Trình độ chuyên môn:**

.....  
.....  
.....

**3. Quá trình công tác:**

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức

**4. Các chức danh quản lý khác, vị trí tại các Công ty khác (nếu có):**

STT	Tên tổ chức	Giấy ĐKKD	Chức danh/Vị trí
1			
2			

**5. Các lợi ích có liên quan tới TNG và các bên có liên quan của TNG (nếu có)**

STT	Tên Công ty	Giấy ĐKKD	Số cổ phiếu nắm giữ	Ghi chú
1	.....	.....	.....	Số liệu chốt ngày .....
...	.....	.....	.....	.....

0304  
NG  
NB  
ON  
NC  
VG -

## 6. Cam kết của ứng cử viên:

- Sau khi nghiên cứu các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện thành viên HĐQT tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, tôi thấy mình có đủ điều kiện trở thành thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (nhiệm kỳ 2026-2031).

- Các thông tin cá nhân của tôi trong hồ sơ ứng cử viên gửi về Công ty là trung thực và chính xác.

- Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên HĐQT, tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT TNG một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.

Đề nghị Hội đồng quản trị/Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG xem xét đưa thông tin của tôi vào danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031.

....., ngày ..... tháng .... năm 2026

**ỨNG CỬ VIÊN**

(ký và ghi rõ họ tên)

5723  
TY  
ẤU  
GM  
T.T

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN SỞ HỮU CỔ PHIẾU TNG**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG**

Tôi tên là: .....

Giới tính: ..... Quốc tịch: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số đăng ký sở hữu: ..... Ngày cấp: .....

Là người tự ứng cử/ được cổ đông ...../nhóm cổ đông do ông/bà ..... đại diện đề cử/HĐQT đương nhiệm giới thiệu<sup>1</sup> làm ứng cử viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Để đáp ứng các điều kiện của ứng cử viên HĐQT, tôi làm đơn này kính đề nghị HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG xác nhận về số cổ phiếu TNG mà tôi sở hữu như sau:

TT	Số cổ phiếu sở hữu	Thời điểm chốt
1	.....	Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2025
2	.....	Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2026

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về các thông tin cá nhân nêu trên và chỉ sử dụng xác nhận này cho hồ sơ ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT TNG nhiệm kỳ 2026-2031.

**TNG XÁC NHẬN**

Ông/bà .....

(số ĐKSH .....) sở hữu:

..... CP, chiếm .....% tổng số CP của TNG (theo DS cổ công có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2025);

..... CP, chiếm .....% tổng số CP của TNG (theo DS cổ công có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2026).

....., ngày ... tháng ... năm 2026

**ỨNG CỬ VIÊN**

(Ký, ghi rõ họ tên)



<sup>1</sup> Chọn hình thức ứng cử/đề cử/giới thiệu ứng cử viên tương ứng

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

-----\*\*\*-----  
Số: ...../2026/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----\*\*\*-----  
Thái Nguyên, ngày 19 tháng 04 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số ...../BB-TNG-ĐHĐCĐ 2026 ngày 19/04/2026 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số ...../BB-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 19/04/2026 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua các nội dung sau:**

**1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025**

Doanh thu tiêu thụ năm 2025: 8.699 tỷ

Lợi nhuận sau thuế: 393 tỷ

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán).

**2. Thông qua báo cáo của HĐQT (“HĐQT”), báo cáo của Ban Tổng giám đốc, báo cáo Ủy ban kiểm toán**

Nội dung chi tiết theo Báo cáo được trình bày tại Đại hội.

**3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025****PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025**

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (VNĐ)
<b>A</b>	<b>Lợi nhuận có thể phân phối (A=1+2)</b>	<b>396.660.180.402</b>
1	Lợi nhuận năm 2024 chưa phân phối	3.565.606.546
2	Lợi nhuận sau thuế 2025	393.094.573.856
<b>B</b>	<b>Phân phối lợi nhuận (B=I+II+III)</b>	<b>325.689.366.276</b>
<b>I</b>	<b>Trả cổ tức 2025 bằng tiền mặt</b> (20% vốn góp của chủ sở hữu)	<b>254.397.502.000</b>
<b>II</b>	<b>Thù lao HĐQT năm 2025 (II=3,0% x (2))</b> (3,0% lợi nhuận sau thuế năm 2025)	<b>11.792.837.216</b>
<b>III</b>	<b>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (III=15%xA)</b> (15% tổng lợi nhuận có thể phân phối)	<b>59.499.027.060</b>
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm nay (C=A-B)</b>	<b>70.970.814.125</b>

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 01/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 24/03/2026 của HĐQT)

**4. Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025**

Chi trả cổ tức năm 2025 cho cổ đông là 20% Vốn điều lệ bằng tiền mặt. Chi tiết cụ thể ủy quyền cho HĐQT phê duyệt.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 01/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 24/03/2026 của HĐQT).

**5. Thông qua chi trả thù lao HĐQT năm 2025**

Chi trả thù lao cho HĐQT năm 2025 là 3% Lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty, tương đương 11.792.837.216 VNĐ. Chi tiết cụ thể Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 01/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 24/03/2026 của HĐQT).

**6. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026**

Doanh thu: 9.500 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 450 tỷ đồng

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 01/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 24/03/2026 của HĐQT).

**7. Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026**

Dự kiến chi trả từ 16% đến 20% vốn điều lệ bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu. Ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án về việc tạm ứng, chi trả cổ tức đảm bảo lợi ích cổ đông.

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 01/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 24/03/2026 của HĐQT).*

#### **8. Thông qua kế hoạch chi trả thù lao HĐQT năm 2026**

Dự kiến chi trả thù lao cho HĐQT năm 2026 là 3% lợi nhuận sau thuế năm 2026 bằng tiền mặt. Chi tiết cụ thể Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt.

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 01/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 24/03/2026 của HĐQT).*

#### **9. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty**

Phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn các công ty trong danh sách này để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính và các Báo cáo kiểm toán khác trong năm 2026 và đến thời điểm tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027 và kiểm tra hoạt động cho Công ty như sau:

(1) Đơn vị: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIET NAM

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội.

(2) Đơn vị: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 02/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 24/03/2026 của HĐQT).*

#### **10. Thông qua và ủy quyền cho HĐQT thông qua các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan và tổ chức tín dụng**

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 03/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 24/03/2026 của HĐQT).*

#### **11. Thông qua thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty**

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 04/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 24/03/2026 của HĐQT).*

**12. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và thông qua bản Điều lệ được sửa đổi, bổ sung (đã cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung, trong đó bao gồm nội dung thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty nêu tại mục 11 nêu trên). Điều lệ sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 và thay thế cho bản Điều lệ đã được ban hành ngày 27/10/2025.

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 04/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 24/03/2026 của HĐQT).*

**13. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (được sửa đổi, bổ sung năm 2026)**

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (được sửa đổi, bổ sung năm 2026), thay thế bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 20/04/2025. Giao cho HĐQT ban hành Quy chế này theo quy định của pháp luật.

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 04/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 24/03/2026 của HĐQT).*

**14. Thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT có đơn xin từ nhiệm và phương án bầu bổ sung thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2026-2031)**

(1) Thông qua miễn nhiệm đối với thành viên HĐQT có Đơn xin từ nhiệm là:

Ông Nguyễn Mạnh Linh - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2024-2029)

Việc miễn nhiệm này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(2) Thông qua phương án bầu bổ sung thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2026-2031)

như sau:

- Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT: 01 thành viên.

- Nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT được bầu bổ sung: 2026-2031.

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 05/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2026 ngày 24/03/2026 của HĐQT).*

**15. Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2026-2031)**

Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 kể từ ngày 19/04/2026 là:

Ông/bà .....

Sau khi thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT, cơ cấu HĐQT gồm các ông/bà có tên sau:

(1) Ông Nguyễn Văn Thời	Nhiệm kỳ 2023-2028
(2) Ông Nguyễn Đức Mạnh	Nhiệm kỳ 2023-2028
(3) Bà Hà Thị Tuyết	Nhiệm kỳ 2024-2029
(4) Bà Đoàn Thị Thu	Nhiệm kỳ 2024-2029
(5) Ông Nguyễn Hoàng Giang	Nhiệm kỳ 2025-2030
(6) Ông Đào Đức Thanh	Nhiệm kỳ 2025-2030
(7) Ông/bà .....	Nhiệm kỳ 2026-2031

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí giao cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các công việc được nêu trong Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bản Nghị quyết gồm có 05 (năm) trang, 02 (hai) điều. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

### **Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- Các ban ngành, cơ quan hữu quan;
- HĐQT, Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**NGUYỄN VĂN THỜI**



**PHIẾU ĐẶT CÂU HỎI**  
*QUESTION FORM*

**Họ và tên cổ đông/Đại diện theo ủy quyền (Nếu có)/Full name of shareholder/Authorized representative (if any):** .....

**Địa chỉ/Address:** .....

**Điện thoại/Phone:** .....

**Mã số cổ đông/Shareholder code:** .....

**Số cổ phần hiện đang nắm giữ/Number of shares currently held:** .....

**Câu hỏi/Question**

**CỔ ĐÔNG**  
**SHAREHOLDERS**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, Fullname)

**Ghi chú:** Trường hợp nội dung câu hỏi nằm ngoài Chương trình Đại hội, hoặc không đủ thời gian để Chủ tọa trả lời tất cả câu hỏi của Cổ đông, Hội đồng Quản trị sẽ trả lời cổ đông thông qua: Gửi thư tay, email: [thanhd@tng.vn](mailto:thanhd@tng.vn) hoặc điện thoại 0902.036.234 - Mr Thanh

**Note:** In case the content of the question is outside the General Meeting Agenda, or there is not enough time for the Chairman to answer all questions of the Shareholders, the Board of Directors will answer the Shareholders through: Sending a handwritten letter, email: [thanhd@tng.vn](mailto:thanhd@tng.vn) or phone 0902.036.234 - Mr Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Số 434/1, Đường Bắc Kạn, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên  
No. 434/1, Bac Kan Street, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen Province  
MSDN/EC:4600305723 | Website: www.tng.vn | Email: info@tng.vn



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**

**ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2026**

**THẺ BIỂU QUYẾT**  
**VOTING CARD BALLOUT**

Họ tên cổ đông/Đại diện theo ủy quyền (nếu có)/Full name of shareholder/Authorized representative (if any):

Số ĐKSH/Registration code:

Số cổ phần sở hữu và đại diện/Number of shares owned and represented:

**THẺ BIỂU QUYẾT DÙNG ĐỂ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG SAU:**

**VOTING CARD USED TO APPROVE FOLLOWING CONTENTS:**

- 1. Bầu thành viên Ban Kiểm phiếu**  
1. Electing members of the Ballot Counting Committee
- 2. Thông qua chương trình Đại hội**  
2. Approve Agenda of AGM
- 3. Thông qua Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội**  
3. Approve Resolution, Minutes of AGM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
-----o0o-----

**THƯ XÁC NHẬN THAM DỰ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**

*Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG*

**Họ tên:** .....

**Người đại diện theo pháp luật (Đối với tổ chức):** .....

**CMND/CCCD/GP ĐKKD số:** .....

**Cấp ngày:** ..... **Tại:** .....

**Địa chỉ:** .....

.....

.....

**Điện thoại:** .....

**Số cổ phần hiện đang nắm giữ:** .....

**Bằng chữ:** .....

.....

Xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được tổ chức bởi Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG vào **08 giờ 00, ngày 19/04/2026.**

Tại Chi nhánh may Sông Công – Khu B, Khu công nghiệp Sông Công 1, Phường Bách Quang, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

**Xin trân trọng cảm ơn!**

**CỔ ĐÔNG**